

Bản án số: 65/2020/HS-ST  
Ngày 30/9/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Đăng Đán, bà Trần Thị Lịch

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G:** Ông Nguyễn Văn Tập, Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại Tòa án huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2020/TLST-HS ngày 14/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HS ngày 18/9/2020 đối với 02 bị cáo:

**1. Trần Văn Th**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu 4, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; học phổ thông: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1930; gia đình có 02 anh em, bị cáo thứ hai; vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1974, có 02 con sinh năm 1993 và 1996; không tiền án, 01 tiền sự; ngày 17/9/2019, công an huyện Lương Tài xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản số tiền 1.500.000đ. Bị cáo nộp tiền phạt ngày 24/9/2019.

Nhân thân:

+ Ngày 11/7/1985, bị công an tỉnh Hải Hưng bắt lập danh chỉ bản về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Tháng 5/1988 bị Tòa án nhân dân huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

+ Tháng 8/1989, bị Tòa án nhân dân thị xã Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân” và “Trộm cắp tài sản công dân”.

+ Ngày 13/4/1998 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 05 năm tù và 03 năm quản chế sau khi mãn hạn tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã được xóa án tích.

+ Ngày 10/5/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến nay. Có mặt

**2. Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn GB, xã K, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; học phổ thông: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1964 gia đình có 03 anh em, bị cáo thứ 3; vợ: Lèo Thị Nh, sinh năm 1999; có 03 con sinh năm 2016, 2018, 2020; không tiền án, tiền sự; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Lê Công C1, sinh năm 1954; HKTT: Thôn Đ, xã D, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1963; HKTT: Thôn V, xã TB, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1979; Địa chỉ: TL, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 26/5/2020, Trần Văn Th và Nguyễn Văn L cùng nhau trộm cắp được 02 con chó trên địa bàn huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể: 01 con chó giống chó cái, lông màu đen, nặng 24 kg của ông Lê Công C1 ở thôn Đ, xã D, huyện G, tỉnh Bắc Ninh trị giá 2.040.000đ và 01 con chó, giống chó cái, lông màu vàng, nặng 11 kg của ông Nguyễn Văn L ở thôn V, xã TB, huyện G, tỉnh Bắc Ninh trị giá 935.000đ. Tổng giá trị 02 con chó mà Th và L trộm cắp được là 2.975.000đ.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai: Th và L là bạn bè xã hội. Khoảng 15 giờ ngày 26/5/2020 Th gọi điện thoại rủ L đi trộm chó để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. L đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày Th điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter BKS 34B2- 663.18 gắn thêm 01 BKS 34B2 – 368.54 do Th nhật được đi từ nhà đến chỗ hẹn để đón L đi trộm cắp chó. Th và L mang theo công cụ gồm 01 thông lọng được đầu nối qua dây điện và 01 bộ kích điện nối với bình ắc quy xe máy đặt trong cốp xe; 02 bao tải dứa; 01 cuộn băng dính đen. Th điều khiển xe chở L đến thôn Đ, xã D, huyện G thì thấy 01 con chó nhà ông C1 đứng ở lề đường, Th lái xe áp sát con chó, L dùng thông lọng quàng vào cổ con chó rồi bấm nút kích điện làm con chó bị ngất. L kéo con chó lên xe rồi Th điều khiển xe đến khu vực cánh đồng vắng người gần đó, L dùng băng dính đen quấn quanh mõm con chó rồi cho vào 01 bao tải dứa và để con chó lên giá đèo hàng phía trước xe. Sau đó Th và L tiếp tục đi lòng vòng để tìm và trộm chó. Khi đến địa phận thôn T, xã TB, huyện G thì Th và L nhìn thấy 01 con chó lông màu vàng. Vẫn phương thức, thủ đoạn như trên, Th và L đã trộm được con chó này và cho vào bao tải dứa còn lại. Sau đó cả hai đi đến địa phận thôn C, xã N, huyện G và đang chuẩn bị trộm cắp 01 con chó khác thì bị người dân phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ: 02 con chó (01 con chó giống chó cái, lông màu đen, nặng 24 kg, 01 con chó, giống chó cái, lông màu vàng, nặng 11 kg); 01 BKS 34B2 – 368.54; 01 xe mô tô Exciter BKS đeo 01 BKS 34B2- 368.54 và BKS 34B2 – 663.18; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu hồng của L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1172 của Th; 02 bao tải dừa; 01 thùng lọng tự chế; 01 bộ nghịch lưu điện áp; số tiền 1.100.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 18 ngày 02/6/2020 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 con chó giống chó cái, lông màu đen, nặng 24 kg còn sống trị giá 2.040.000đ và 01 con chó, giống chó cái, lông màu vàng, nặng 11 kg còn sống trị giá 935.000đ. Tổng giá trị 02 con chó là 2.975.000đ.

Cáo trạng số: 66/CT-VKSGB, ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố 02 bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, buộc tội các bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng: Khoản 1, 5 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo. Phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 BKS 34B2 – 368.54; 02 bao tải dừa, 01 thùng lọng tự chế; 01 bộ nghịch lưu điện áp;

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu hồng của L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1172 của Th.

Trả lại bị cáo Trần Văn Th số tiền 1.100.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại anh Nguyễn Văn Nh 01 xe mô tô Exciter BKS 34B2 – 663.18.

Các bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi như Cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát, không tham gia tranh luận mà xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 BLTTHS.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được và

những tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Buổi tối ngày 26/5/2020, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, 2 bị cáo Trần Văn Th và Nguyễn Văn L cùng nhau lén lút trộm cắp được 02 con chó trên địa bàn huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Tổng giá trị 02 con chó mà Th và L trộm cắp được là 2.975.000đ thì bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi của 02 bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tư lợi, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả và pháp luật.

[4] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm và câu kết chặt chẽ với nhau trong quá trình phạm tội nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Bị cáo Th là người khởi xướng và chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nên có vai trò cao hơn so với bị cáo L.

Bị cáo Trần Văn Th có nhân thân xấu. nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích, bị cáo có 01 tiền sự về tội trộm cắp tài sản nhưng vẫn không rút ra bài học để tự tu dưỡng rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo coi thường sự giáo dục của pháp luật. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể. Bị cáo có bố tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, tặng danh hiệu chiến sĩ quyết thắng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo L có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hai bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập. Bị cáo L hiện đang nuôi 03 con nhỏ nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho hai bị cáo.

Trách Nhiệm dân sự: Bị hại là ông C1 và ông L1 đã nhận lại tài sản là 02 con chó và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra đối với các bị cáo.

[5] Vật chứng của vụ án:

+ Đối với 02 con chó (01 con chó giống chó cái, lông màu đen, nặng 24 kg, 01 con chó, giống chó cái, lông màu vàng, nặng 11 kg) đã được trả lại cho chủ sở hữu là ông C1, ông L1 nên không đặt ra xem xét;

+ Đối với 01 xe mô tô Yamaha Exciter BKS đeo 01 BKS 34B2- 368.54 và BKS 34B2 – 663.18 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn Nh. Anh Nh cho Th mượn xe nhưng không biết Th dùng xe phạm tội nên cần trả lại cho anh Nh;

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu hồng của L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1172 của Th là phương tiện hai bị cáo dùng để liên lạc với nhau rủ nhau đi trộm chó nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

+ Đối với 01 BKS 34B2 – 368.54; 02 bao tải dứa, 01 thùng lọng tự chế; 01 bộ nghịch lưu điện áp là vật không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với số tiền 1.100.000đ là tiền của bị cáo Th không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo.

Thương tích của 02 bị cáo, quá trình điều tra các bị cáo xác định thương tích do các bị cáo ngã xe nên không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội các bị cáo về tội đã truy tố, đề xuất mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Th và Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**1. Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Văn Th 16 (Mười sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2020 là ngày tạm giam bị cáo. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L 07 (Bảy) tháng tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã K, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

**2. Vật chứng của vụ án:** Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1172;

+ Trả lại bị cáo Trần Văn Th số tiền 1.100.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại anh Nguyễn Văn Nh 01 xe mô tô Yamaha Exciter đeo 02 BKS 34B2 – 368.54 và BKS 34 B2 – 663.18;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 34B2 – 368.54; 02 bao tải dứa, 01 thông lọng tự chế; 01 bộ nghịch lưu điện áp;

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

**3. Án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn Th và bị cáo Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án và VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và Chi cục THA huyện G;
- Cán bộ thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Thị Minh Nguyệt**